

hàng hóa, kinh doanh dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

b) Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thu thuế đối với hàng hóa nhập khẩu chịu thuế. Việc tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại về thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu thực hiện như quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

c) Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan có trách nhiệm phối hợp trong việc quản lý thu thuế tiêu thụ đặc biệt trong cả nước.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn, bổ sung./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thư trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

THÔNG TƯ số 182/1998/TT-BTC ngày 26/12/1998 hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và không theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10/5/1997; Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/1997/QH9 ngày 10/5/1997;

Căn cứ Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 30/1998/

NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 89/1998/TT-BTC ngày 27/6/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 28/1998/NĐ-CP ngày 11/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Thông tư số 99/1998/TT-BTC ngày 14/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 30/1998/NĐ-CP ngày 13/5/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 100/1998/TT-BTC ngày 15/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 180/1998/TT-BTC ngày 26/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung kế toán thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Thông tư số 169/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

Thông tư này áp dụng cho các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam thực hiện đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; chi nhánh, tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam hoạt động theo Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam; các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các

hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

II. KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam phải thực hiện kế toán thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư số 100/1998/TT-BTC ngày 15/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp và Thông tư số 180/1998/TT-BTC ngày 26/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung kế toán thuế giá trị gia tăng.

2. Các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài áp dụng chế độ kế toán thông dụng khác cũng phải thực hiện kế toán thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư số 100/1998/TT-BTC ngày 15/7/1998 và Thông tư số 180/1998/TT-BTC ngày 26/12/1998 của Bộ Tài chính và các điểm hướng dẫn, bổ sung dưới đây:

2.1. Về hóa đơn bán hàng:

Phải sử dụng hóa đơn thuế giá trị gia tăng do cơ quan thuế phát hành, hoặc sử dụng mẫu hóa đơn giá trị gia tăng tự in đã đăng ký và được Tổng cục Thuế chấp thuận. Khi phát hành hóa đơn phải tuân thủ chế độ phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng quy định tại Quyết định số 885/QĐ-BTC ngày 16/7/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.2. Về tài khoản kế toán và phương pháp kế toán:

a) Bổ sung thêm tài khoản "Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ" để phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ. Số hiệu của tài khoản này phù hợp với số hiệu của hệ thống tài khoản kế toán đang áp dụng tại đơn vị.

Mục đích sử dụng tài khoản, kết cấu và nội dung phản ánh ở bên Nợ, bên Có của tài khoản "Thuế

giá trị gia tăng được khấu trừ", phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thực hiện theo quy định đối với Tài khoản 133 "Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ" quy định trong Thông tư số 100/1998/TT-BTC.

b) Đổi tên tài khoản "Thuế doanh thu" thành tài khoản "Thuế giá trị gia tăng phải nộp" trong hệ thống tài khoản kế toán đang áp dụng tại đơn vị để phản ánh thuế giá trị gia tăng đầu ra, thuế giá trị gia tăng phải nộp, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu phải nộp, thuế giá trị gia tăng đã nộp và còn phải nộp.

Kết cấu và nội dung phản ánh ở bên Nợ, bên Có của tài khoản "Thuế giá trị gia tăng phải nộp", phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thực hiện theo quy định đối với Tài khoản 3331 "Thuế giá trị gia tăng phải nộp" quy định trong Thông tư số 100/1998/TT-BTC.

2.3. Về sổ kế toán:

Phải mở các sổ kế toán chi tiết cần thiết để phản ánh rõ ràng các chỉ tiêu thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ, thuế giá trị gia tăng đầu ra, thuế giá trị gia tăng phải nộp, thuế giá trị gia tăng nhập khẩu phải nộp, thuế giá trị gia tăng được hoàn lại, thuế giá trị gia tăng được giảm.

2.4. Về báo cáo tài chính:

Trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và phần giải trình báo cáo tài chính phải trình bày thêm các nội dung liên quan đến thực hiện Luật thuế giá trị gia tăng (thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ, còn được khấu trừ, thuế giá trị gia tăng đầu ra, thuế giá trị gia tăng phải nộp, đã nộp, còn phải nộp, thuế giá trị gia tăng được hoàn lại, đã hoàn lại, thuế giá trị gia tăng được giảm của quý, năm tài chính).

3. Các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam:

3.1. Nhà thầu, Nhà thầu phụ nước ngoài hoạt động kinh doanh thông qua cơ sở thường trú tại Việt Nam áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam phải thực hiện kế toán thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư số 100/1998/TT-BTC ngày 15/7/1998 và Thông tư số 180/1998/TT-BTC ngày 26/12/1998 của Bộ Tài chính và theo hướng dẫn một số điểm đặc thù sau đây:

a) Trường hợp nhà thầu ký hợp đồng nhận thầu toàn bộ và chia thầu phụ cho bên nước ngoài và phía Việt Nam:

● Ở nhà thầu chính nước ngoài:

- Khi phát hành hóa đơn (giá trị gia tăng) bao gồm cả giá trị của khối lượng do nhà thầu phụ, hoặc bên hợp tác kinh doanh phía Việt Nam thực hiện, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311).

- Khi nhận kết quả của các nhà thầu phụ, hoặc của bên đối tác hợp tác kinh doanh, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả người bán.

- Khi xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:

Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ với thuế giá trị gia tăng đầu ra, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311).

Có TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (1331)

Xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp và đã thực nộp, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311)

Có các TK 111, 112.

● Ở nhà thầu phụ nước ngoài:

- Khi mua vật tư đầu vào, tài sản cố định (hóa đơn giá trị gia tăng), chi phí hoạt động kinh doanh, ghi:

Nợ các TK 152, 211, 642...

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (1331, 1332)

Có các TK 111, 112, 331.

- Khi bàn giao kết quả đã thực hiện của nhà thầu phụ cho nhà thầu chính, nhà thầu phụ phát hành hóa đơn (giá trị gia tăng) và phản ánh doanh thu bán hàng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311).

- Khi xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:

Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ với thuế giá trị gia tăng đầu ra, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311)

Có TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (1331).

- Xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp và đã thực nộp, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311)

Có các TK 111, 112.

b) Trường hợp nhà thầu hợp tác kinh doanh với bên Việt Nam trên cơ sở ký hợp đồng và phân chia kết quả kinh doanh theo hình thức chia doanh thu:

- Khi nhận doanh thu do bên Việt Nam chia trên kết quả kinh doanh, nhà thầu phát hành hóa đơn (giá trị gia tăng) và phản ánh doanh thu bán hàng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311).

- Khi mua vật tư đầu vào, tài sản cố định (hóa đơn giá trị gia tăng), chi phí hoạt động kinh doanh, ghi:

Nợ các TK 152, 211, 642...

Nợ TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (1331, 1332)

Có các TK 111, 112, 331.

- Khi xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:

- Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ với thuế giá trị gia tăng đầu ra, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311)

Có TK 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (1331).

- Xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp đã thực nộp, ghi:

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (33311)

Có các TK 111, 112.

3.2. Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài áp dụng chế độ kế toán thông dụng khác thực hiện nộp

thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng phải tổ chức công tác kế toán đảm bảo phản ánh đầy đủ, trung thực doanh thu bán hàng, giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, dịch vụ mua vào làm căn cứ xác định thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp ấn định thuế.

III. KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1. Các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam phải thực hiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 100/1998/TT-BTC ngày 15/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Bộ Tài chính cho phép áp dụng chế độ kế toán thông dụng khác cũng phải thực hiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 100/1998/TT-BTC ngày 15/7/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp và theo quy định dưới đây:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp và tỷ lệ thuế suất theo quy định hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp là một khoản phải nộp Nhà nước (nếu hoạt động kinh doanh năm tài chính có lãi) được ghi vào bên Nợ của tài khoản phản ánh lợi nhuận chưa phân phối của năm tài chính.

- Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền cho phép giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán ghi bút toán ngược lại với bút toán khi xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (ghi tăng thu nhập của doanh nghiệp và ghi giảm khoản phải nộp Nhà nước).

3. Các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam:

3.1. Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kê khai phải thực hiện công tác kế toán theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 100/1998/TT-BTC ngày 15/7/1998 của Bộ Tài chính.

3.2. Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài áp dụng chế độ kế toán thông dụng khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp ấn định thuế phải tổ chức công tác kế toán để phản ánh doanh thu bán hàng theo phương pháp xác định doanh thu quy định tại Điểm 2, Phần C của Thông tư số 169/1998/TT-BTC ngày 22/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh tại Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam làm căn cứ xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 1999, các nội dung khác về kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp không hướng dẫn trong Thông tư này thì thực hiện theo chế độ kế toán hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG